



yè yīng
夜莺

noun · nightingale

Example Sentences

yè yīng zài chàng gē
夜莺在唱歌。

The nightingale is singing.

yè yīng de gē shēng fēi cháng dòng tīng
夜莺的歌声非常动听。

The nightingale's song is very beautiful.

zài ān jìng de yè wǎn wǒ tīng dào le yè yīng de jiào shēng
在安静的夜晚，我听到了夜莺的叫声。

On a quiet night, I heard the call of a nightingale.

Trace each character, then write the word on your own.

夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜	夜
莺	莺	莺	莺	莺	莺	莺	莺	莺	莺	莺
莺	莺									